

SOUTH CHINA SEA (NAM HẢI)



LEGEND - CHỮ TỰ
MAP INFORMATION AS OF 1969
TÀI LIỆU ĐỒ-BẢN NĂM 1969

- ROADS - ĐƯỜNG SẮP
All weather, hard surface, two or more lanes wide
All weather, loose or light surface, one lane wide
All weather, loose or light surface, one lane wide
Footpaths, trail - Đường mòn, đường bộ
National, international
Route markers
RAILROADS - ĐƯỜNG XE LỬA
Normal gauge, single track
Normal gauge, double track
Narrow gauge, single track
Narrow gauge, double track
All-weather, seasonal
Bridges
Wood - Cầu gỗ
Steel - Cầu thép
Concrete - Cầu bê tông
Footbridge - Cầu dây
Ferry - Cầu dây
Ferry - Cầu dây
Flat on level - Đường đi
Level, slight - Đường đi
Grade of level, less than 18 meters wide
Grade of level, more than 18 meters wide

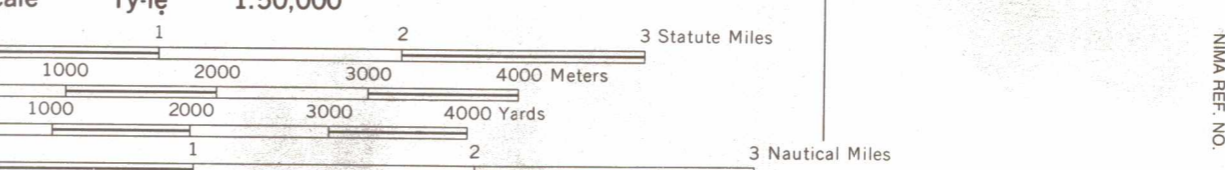
- Salt evaporator
Church, Christian shrine, school
Temple, Pagoda, Minor pagoda
Post office, Telegraph, Telephone
Cemetery - Nghĩa địa
Fort, Ruins - Đồn, Tân tích
Horizontal control point
Spot elevation in meters, Checked, Unchecked
International boundary - Ranh giới Quốc gia
Partition boundary - Ranh giới Phân
Delegation boundary - Ranh giới Ủy ban
Area name
Nia, Mangrove
Coffee, Rubber
Palm, Brushwood
Fish, Bamboo
Hamlet
flood plain
river mouth
stream
village
capit. village
stream
river, stream
stream
village

MAXIMUM ELEVATION LESS THAN 5 METERS
ĐỘ CAO TỐI-DA DƯỚI 5 MÉT

SPHEROID - EVEREST
GRID - 1,000 METER UTM, ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES)
PROJECTION - TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM - MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN
HORIZONTAL DATUM - INDIAN DATUM 1960

DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE
RANH GIỚI HÀNH-CHÍNH TRÊN BẢN-ĐỒ XÂY CHẾ-CHIA-HOÀ VỚI TÍNH-CHẮC ĐÁP-ƯỞNG

GLOSSARY - CỜ-TỰ
Ấp - hamlet
Cấp - flood plain
Cồn - river mouth
Đèo - stream
Đo - derivation of river
Giếng - capst. village
Mỏ - capst. point
R. - stream
Sông - river, stream
Xoá - stream
Xã - stream
Xãm - village



PREPARED BY 29TH ENGR. BN, U.S. ARMY 1970
NAMES DATA BY USARP, NGS, VIETNAM
CONTROL BY USARP, NGS, VIETNAM
COASTAL HYDROGRAPHY FROM NAVOCEANO CHARTS
COMPLIATION METHOD: PHOTO REVISION OF 1:70,14 MAPS
USARP SHOULD REFER CORRECTIONS, ADDITIONS, AND COMMENTS TO THE NMA CUSTOMER HELP DESK: 1-800-455-5888
COMMERCIAL: 1-214-261-1238; GOV: 602-1238; OR WRITE TO DIRECTOR, NATIONAL IMAGERY AND MAPPING AGENCY, ATTN: CD, 9833 LEE HIGHWAY, FARMAY, VA 22031-2337

GRID CONVERGENCE FOR CENTER OF SHEET
HỘI-TỬ ĐƯƠNG KẾ Ở VÙNG TỈNH Ở TRUNG-TÂM BẢN-ĐỒ 0°11' (3 MILS./MIL)
MƯỜN ĐỒ PHƯƠNG-GIÁC TỰ THÀNH PHƯƠNG-GIÁC Ở VÙNG SÔNG-THỀM GÓC V-T
MƯỜN ĐỒ PHƯƠNG-GIÁC Ở VÙNG THẮNG PHƯƠNG-GIÁC TỰ THÀNH PHƯƠNG-GIÁC Ở VÙNG THỀM GÓC V-T

BOUNDARIES (VIET-CAMP)
ADJOINING SHEETS (BẢNG KẾ-ĐỊA-ĐỒ)

VIETNAMESE ENGLISH COMPARABLE
TÊN ĐỊA-ĐỊNH ĐỊA-ĐỊNH ĐỊA-ĐỊNH
Xã - District
Quận - Province
Huyện - County
Thị trấn - Town
Xã - Hamlet
Xã - Village
Xã - Township
Xã - District
Xã - County
Xã - Province

HYDROGRAPHIC DATUM
APPROXIMATE LEVEL OF LOWEST LOW WATER
MẶT THỦY-BAO CHUẨN
LÀ MẶT BIÊN PHÒNG CHỨNG LỰC THẤP NHẤT

NSN 7643014023065
L701482274
Reprinted by NMA 10-97

LIMITED DISTRIBUTION
DISTRIBUTION RESTRICTIONS
THIS MAP IS A STANDARD REFERENCE ON THE SHEET TO MEASURE 100 METERS
SAMPLING POINT - C
1. Measure vertical, horizontal, and depth
2. Locate the VERTICALLY and the LEFT of the point
3. Measure the depth in meters or fathoms
4. Measure the depth in meters or fathoms
5. Measure the depth in meters or fathoms
6. Measure the depth in meters or fathoms
7. Measure the depth in meters or fathoms
8. Measure the depth in meters or fathoms
9. Measure the depth in meters or fathoms
10. Measure the depth in meters or fathoms